

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 19/8/2022 13:13 19/08

## A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

### *Trung Quốc*

- Nguồn cung heo ra thị trường nhiều hơn cộng thêm nắng nóng kéo dài tại nhiều khu vực khiến nhu cầu tiêu thụ chậm nên giá heo Trung Quốc giảm tiếp còn 21,6 tệ/kg vào hôm nay, tương đương 75.000 đồng/kg. Tại các tỉnh phía Nam, giá heo cũng giảm nhẹ còn 22,2-23,5 tệ/kg, tương đương 77-81.000 đồng/kg.
- Có xu hướng trái ngược, giá heo hơi kỳ hạn tháng 9-11/2022 đảo chiều tăng trong phiên giao dịch hôm nay, lên quanh 20,6-21,5 tệ/kg tương đương 71-74.000 đồng/kg trước thông tin nguồn cung thịt nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh tới 2/3 so với cùng kỳ năm trước cùng việc Trung Quốc đứng trước áp lực mở cửa kinh tế để cứu vãn tăng trưởng.
- Theo báo cáo từ Bộ NN Mỹ, trong tuần kết thúc vào 11/08, lượng thịt heo Trung Quốc mua mới từ Mỹ ghi nhận mức thấp nhất theo tuần trong vòng 4 tháng qua với chỉ trên 200 tấn, đồng thời Mỹ tiếp tục xuất đi Trung Quốc hơn 5.000 tấn, đưa tổng lượng thịt heo Mỹ bán đi Trung Quốc từ đầu năm 2022 tới ngày 11/08 đạt 147.600 tấn, giảm gần 60% so với cùng kỳ năm trước.
- Dữ liệu công bố từ Hải quan Trung Quốc cho biết, trong tháng 7/2022 nước này chỉ nhập khẩu 120.000 tấn thịt heo, tương đương so với tháng trước đó và là mức thấp nhất kể từ đầu năm 2019, đưa tổng lượng về trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 930.000 tấn, giảm 65% so với lũy kế cùng kỳ năm trước và 7% so với cùng kỳ năm 2019.

## B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

### **Giá heo hơi**

#### Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, giao dịch heo tiếp tục trầm lắng, làm tăng áp lực tồn kho của một số công ty. Mức giá giao dịch phổ biến giữ quanh 66-67.000 đồng/kg, mức trên 68.000 đồng/kg khó bán hoặc chỉ áp dụng với heo đẹp, đều.
- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam**: Do nhu cầu từ miền Bắc chậm trong khi biểu heo to trên 115kg/con tại miền Nam có lại nên giá heo đóng lên xe các khu vực này có xu hướng giảm còn 61-63.000 đồng/kg tùy biểu heo và tùy tỷ lệ loại hàng đầu, mức giá trên 64.000 đồng/kg của khu vực Nam miền Trung gần như không có người bắt.
- Thương lái nhận định, nếu giá heo các công ty lớn có sự điều chỉnh giảm vào cuối tuần này thì heo dân sẽ đổ ra bán nhiều hơn sau khi ếm lại thời gian qua để chờ tăng giá trước thêm năm học mới bắt đầu.

#### Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, mặt bằng giá heo không có nhiều điều chỉnh vào hôm nay, giữ quanh mức 62-64.000 đồng/kg, riêng khu vực Bắc miền Trung giá phổ biến 65-66.000 đồng/kg.

## **Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ**

### *Miền Bắc*

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt gần 2.500 con do heo từ miền Trung/miền Nam đưa ra đạt 7-8 xe. Chợ bán chậm do khách tới chợ ít, với giá heo đầu giảm tiếp còn 67.000 đồng/kg với heo dân, 70.000 đồng/kg với heo từ miền Trung/Nam, hàng chân khó bán và tồn lại tới hôm sau.

### *Miền Nam*

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.500 con, giảm nhẹ so với hôm qua, trong đó nhập chợ đạt gần 4.300 con. Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn 64-65.000 đồng/kg vào cuối phiên.

Điểm tin thị trường Gia cầm ngày 19/8/2022 11:47 19/08

## **A. THỊ TRƯỜNG THÊ GIỚI**

### **China**

- Các công ty giết mổ thận trọng hơn trong việc thu mua kéo giá gà trắng điều chỉnh giảm lại, xuống mức 9,70 tệ/kg-tương đương 33.500 đồng/kg.

- Cung- cầu tạm thời cân đối hỗ trợ giá vịt thịt có chiều hướng ổn định hơn, đi ngang ngưỡng 10,38 tệ/kg-tương đương 35.800 đồng/kg.

## **B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**

### **Gà trắng**

- Tại miền Bắc, giá gà trắng công ty lẫn trại dân chững lại vào hôm nay, dao động từ 35.5-37.500 đồng/kg, tùy biểu. Tiêu thụ gà trắng trong 10 ngày cuối tháng 8 khó cải thiện tuy nhiên nguồn cung gà còn thiếu hụt khiến thị trường kỳ vọng giá có thể sẽ tiếp tục tăng nhẹ trong tuần tới.

- Tại miền Nam, giao dịch gà đẹp trong chuẩn không có biến động mới, giữ ổn định quanh mức 38-40.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do thời tiết mưa kéo dài, chất lượng gà tại một số khu vực không đẹp khiến mức giá 37.000 đồng/kg xuất hiện nhiều hơn.

### **Gà màu**

- Tại miền Bắc, giá gà màu tiếp tục giữ ổn định vào hôm nay, dao động mức 42-44.000 đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày, 55-59.000 đồng/kg gà Minh Dư, 62-64.000 đồng/kg gà Dabaco và 60-61.000 đồng/kg gà Japfa. Tại thị trường tự do, giao dịch gà cũng chững lại quanh mức 60-63.000 đồng/kg với giống lai hồ/lai chọi thả vườn nuôi hơn 100 ngày, mức giá tương đương công ty trong khi chất lượng gà đẹp hơn hỗ trợ lực bán gà trong dân khá tốt.

- Tại miền Nam, lượng gà tồn ký chưa được giải phòng hết khiến giá tiếp tục chững lại ở mức thấp, 37-40.000 đồng/kg với gà ta lai CP, 55.000 đồng/kg với gà Dabaco và 40-47.000 đồng/kg gà Minh Dư.

### Vịt thịt

- Tại miền Bắc, cung cầu tạm thời cân đối giữ giá vịt ổn định quanh mức 40-41.000 đồng/kg. Dự kiến, giá có thể sẽ đảo chiều giảm nhẹ vào 2 ngày cuối tuần khi thời tiết được dự báo mưa kéo dài ảnh hưởng đến việc thu mua của cánh thương lái.

- Tại miền Nam, vùng giá giao dịch được giãn rộng quanh mức 40-44.000 đồng/kg. Do một số khu vực gần như cạn vịt sau khi bán chạy dịch trong khi tiêu thụ vịt sau ngày rằm tháng 7 không cải thiện như kỳ vọng khiến lực bán tại trại khá chậm.

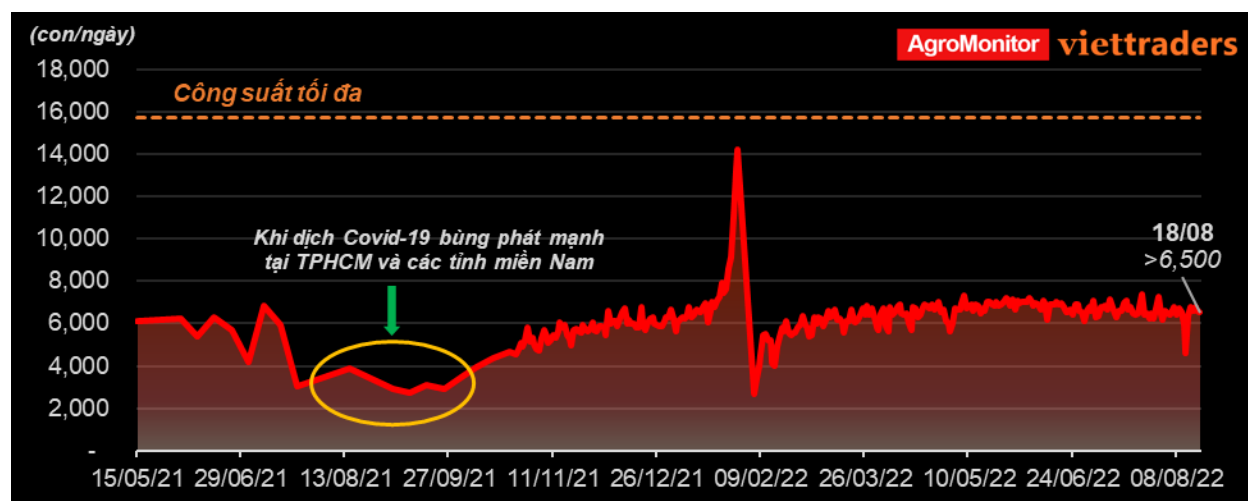
### Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng về chợ nay ổn định mức 3.000 con, trong đó tỉ lệ gà biểu to 3.8-3.9 kg/con nhiều hơn, chợ bán trung bình. Giá gà nhập về chợ lần bán ra tiếp tục chững lại, lần lượt đạt mức 41.000 đồng/kg và 41-44.000 đồng/kg, tùy gà trống hay mái.

Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 18/8/2022 (con/ngày) 10:18 18/08

Tại các lò mổ TP. HCM, lượng heo đưa về giết mổ trong 18 ngày đầu tháng 8 đạt gần 115,5 nghìn con, giảm 4,5% so với cùng kỳ tháng trước, tương ứng mỗi ngày giết mổ ít hơn tầm 300 con heo.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 16/08/2022 (con/ngày)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Nhập khẩu Trâu/Bò sống về Việt Nam tính đến ngày 9/8/2022 13:21 12/08

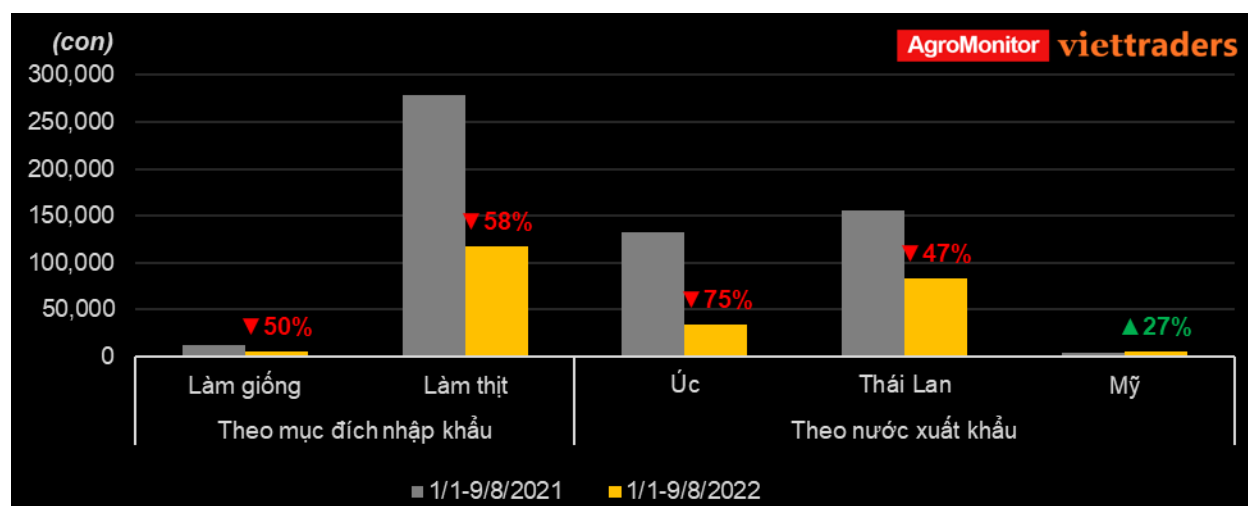
Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 09/08 đạt trên 122,500 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 58.0%, tương ứng với lượng giảm gần 169,400 con.

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

- Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 9 ngày đầu tháng 8 giảm trên 10% so với cùng kỳ tháng trước và thấp hơn trên 60% so với cùng kỳ năm trước. Theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng giá trị nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong 9 ngày đầu tháng 8/2022 đạt trên 13.5 triệu USD, giảm lần lượt 10.1% và 62.9% so với cùng kỳ tháng trước và cùng kỳ năm trước, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 09/08 đạt gần 147.39 triệu USD, giảm 60% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

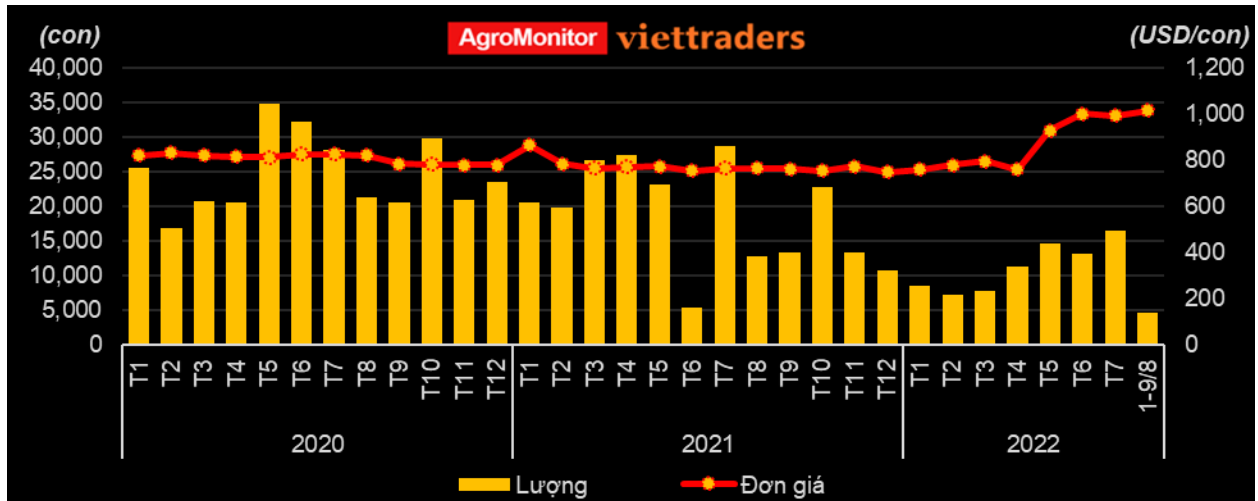
- Xét về lượng, trong tuần 03/08-09/08, lượng trâu/bò sống nhập về tăng gấp đôi so với tuần trước đó với trên 8,400 con, toàn bộ đều là trâu/bò thịt từ Thái Lan và Úc. Theo số liệu thống kê, trong tuần kể trên tiếp tục có 3,375 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), đưa tổng lượng nhập về từ thị trường này trong năm 2022 tới ngày 09/08 đạt gần 83,300 con, giảm 46% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021. Đối với bò Úc, trong tuần kể trên ghi nhận 4 đơn hàng với tổng 5,047 con nhập về cảng Cái Lân (Quảng Ninh) và cảng cá Hạ Long, đưa tổng lượng nhập khẩu về Việt Nam kể từ đầu năm tới ngày 09/08 đạt trên 34,000 con, giảm 72% so với mức 123,400 con cùng kỳ năm trước. Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 09/08 đạt trên 122,500 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 58.0%, tương ứng với lượng giảm gần 169,400 con.

Hình 1. Lượng trâu/bò sống nhập khẩu về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 09/08 so với cùng kỳ năm trước (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 2. Lượng và đơn giá nhập khẩu trâu/bò thịt từ Thái Lan về Việt Nam năm 2020-09/08/2022 (con; USD/con)

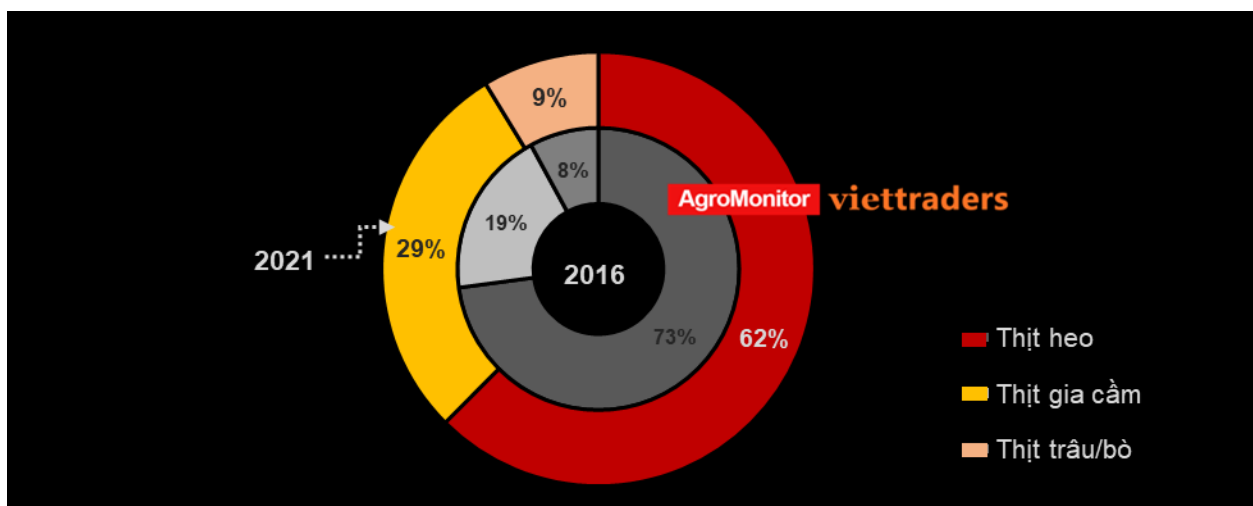


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là DAF/DAP)

Tiêu thụ thịt bình quân đầu người tại Việt Nam giai đoạn 2016-2021 15:02 09/08

- Theo dữ liệu công bố từ Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2016-2021 mức tiêu thụ thịt các loại bình quân đầu người tại Việt Nam đã tăng lên đáng kể với khoảng 67,7 kg/người/năm, cao hơn 24% so với mức ghi nhận vào năm 2016, trong đó, thịt heo vẫn là loại thịt được tiêu thụ chủ yếu với trên 62% thị phần. Tuy nhiên, xét về tương quan giữa tiêu thụ các loại thịt chính tại Việt Nam (bao gồm thịt heo, thịt gia cầm và thịt trâu/bò) thì thị phần tiêu thụ thịt heo có chiều hướng giảm trong giai đoạn 2016-2021 và 10% mức tiêu thụ thịt của người dân Việt Nam đã chuyển từ thịt heo sang thịt gia cầm.

Thị phần tiêu thụ các loại thịt chính tại Việt Nam bình quân theo người giai đoạn 2016-2021



Nguồn: GSO

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 19/8/2022 07:15 19/08

## 1. Miền Bắc

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)*

Khu vực		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Bắc		68.000	68.000	67.000-69.000
Heo dân	Thái Bình	67.000-69.000	67.000-69.000	66.000-70.000
	Bắc Giang	67.000-68.000	67.000-68.000	66.000-70.000
	Hà Nội	67.000-68.000	67.000-69.000	66.000-70.000
<b>Heo giống</b>				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		132.000-137.000	132.000-137.000	132.000-137.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.600.000-1.700.000	1.600.000-1.700.000	1.600.000-1.700.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.750.000-1.850.000	1.750.000-1.850.000	1.750.000-1.850.000

## 2. Miền Trung

*Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)*

Khu vực		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	68.000	68.000	67.000-69.000
	Nam Trung Bộ	64.000-65.000	64.000-65.000	64.000-65.000
Heo dân	Nghệ An	64.000-66.000	64.000-66.000	64.000-67.000
	Bình Định	60.000-62.000	61.000-63.000	60.000-62.000
	Đắk Lắk	60.000-63.000	60.000-63.000	60.000-63.000

## 3. Miền Nam

*Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)*

Loại giá		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty	Đồng Nai	64.000	64.000	64.000
	Miền Tây	63.500-64.000	63.500-64.000	63.500-64.000
Heo dân	Đồng Nai	63.000-65.000	63.000-65.000	62.000-64.000
	Tiền Giang	61.000-64.000	61.000-64.000	61.000-63.000
	Bến Tre	61.000-63.000	61.000-63.000	60.000-63.000
<b>Heo giống</b>				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		115.000-130.000	115.000-130.000	85.000-104.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.500.000-1.700.000	1.500.000-1.700.000	1.500.000-1.700.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 19/8/2022 11:21 19/08

## Gà trắng

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

	<b>Khu vực</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>	<b>Tuần trước</b>
Gà công ty	Miền Bắc	35,500-37,500	35,500-37,500	38,000-41,000
	Miền Nam	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000
Gà trong dân	<b>Miền Bắc</b>			
	Thái Nguyên	36,000-37,500	36,000-37,500	39,000-41,000
	Vĩnh Phúc	36,000-37,500	36,000-37,500	39,000-41,000
	Hà Nội	36,000-37,500	36,000-37,500	38,000-41,000
	<b>Miền Nam</b>			
	Bình Dương	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000
	Bình Phước	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000

### **Gà màu**

*Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)*

<b>Khu vực</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>	<b>Tuần trước</b>
Gà ta lai CP – miền Bắc	42,000-44,000	42,000-44,000	47,000-55,000
Gà ta lai CP – miền Trung	40,000-45,000	40,000-45,000	46,000-50,000
Gà ta lai CP – miền Nam	37,000-40,000	37,000-40,000	38,000-45,000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi 4 tháng)	62,000-64,000	62,000-64,000	65,000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi 4 tháng)	55,000	55,000	55,000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi 4 tháng)	55,000-59,000	55,000-59,000	60,000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi 4 tháng)	40,000-47,000	40,000-47,000	45,000-49,000

### **Vịt thịt**

*Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)*

<b>Vùng/miền</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>	<b>Tuần trước</b>
Miền Bắc – Vịt Super	40,000-41,000	40,000-41,000	38,000-40,000

Miền Đông – Vịt Grimaud	40,000-44,000	42,000-43,000	44,000-48,000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42,000-43,000	42,000-43,000	46,000-48,000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thể giới ngày 19/8/2022 10:17 19/08

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo Trung Quốc ghi nhận diễn biến giảm.

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước*

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
<b>Châu Á</b>						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	21,63	▼0,03	▲6,58	74.600
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	22,20	▼0,01	▲6,06	76.600
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	20,69	▲0,22	▲4,99	71.100
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	21,51	▲0,09	▲6,67	73.900
	(DCE) T7/2022	CNY/kg	22,68	▲0,13	▲1,54	78.000
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	103,50	—0,00	▲33,88	69.400
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	112,00	—0,00	▲48,75	75.100
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	10.200	▲100	-	58.000
Lào	Giao ngay	LAK/kg	38.200	▲100	-	58.400
<b>Châu Mỹ</b>						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	95,19	—0,00	▲21,16	49.400
Canada	Giao ngay	Penny/kg	256,25	—0,00	-	47.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,37	—0,00	▲0,16	32.300

Giá heo con Thái Lan vẫn chưa ghi nhận điều chỉnh mới, giá heo con EU giảm trở lại sau khi tăng liên tiếp trong vòng 8 tuần.

*Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước*

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/con
				1 tuần	1 năm	



Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	42,01	▼0,19	▲12,96	1.014.300
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.200	—0,00	▲1.600	2.170.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.600 (+/- 100)	—0,00	▲1.600	2.440.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	43,29	▼1,24	▼0,47	1.018.600
	Biểu 18kg	USD/con	69,61	▲3,56	▲12,41	1.637.900
EU	Giá bình quân	EUR/con	48,67	▼0,27	▲11,66	1.194.000

## B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 3. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

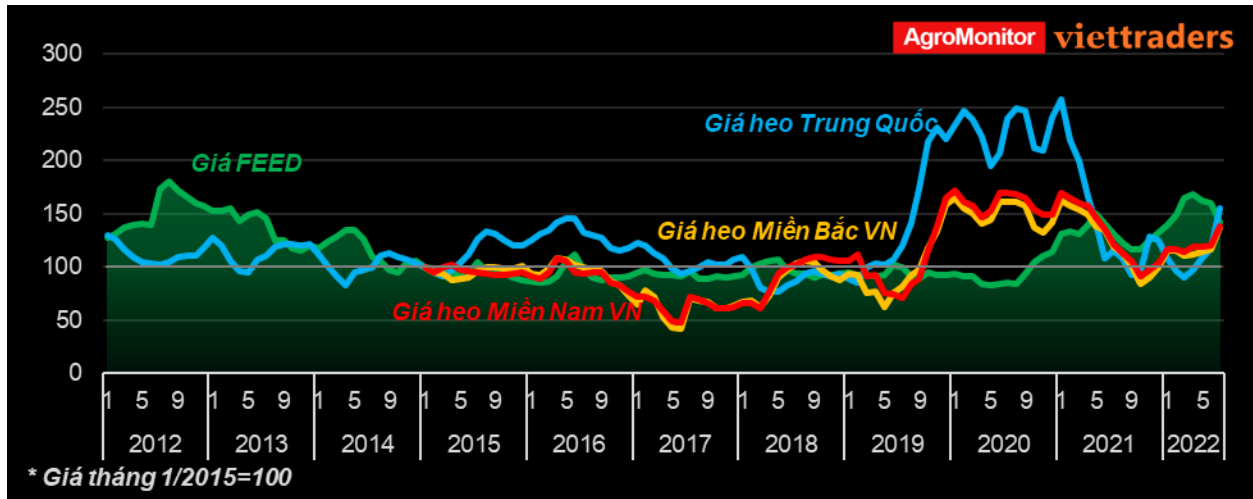
Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	9,70	▼0,08	▲1,12	33.470
	Gà trắng giống	CNY/con	2,69	▲0,09	▲0,26	9.280
	Vịt thịt	CNY/kg	10,38	—0,00	-	35.820
	Vịt giống	CNY/con	6,22	▲0,17	-	21.470
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	50,5	—0,00	-	33.990
	Gà nửa con	Baht/kg	95,0	—0,00	-	63.940
	Gà giống (CP)	Baht/con	19,0	—0,00	-	12.790
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,57	—0,00	▲0,08	36.970
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,57	—0,00	▲0,05	36.970

Bảng 4. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg,
				1 ngày	1 ngày	VND/quả
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	9,74	▲0,02	-	33.610
	(DCE) T9/2022	CNY/500kg	4.241	▲81,0	▼151,0	29.270
	(DCE) T10/2022	CNY/500kg	4.171	▲48,0	▼76,00	28.790
	(DCE) T1/2023	CNY/500kg	4.152	—0,00	▼169,0	28.660
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	360,0	—0,00	-	2.420
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	376,6	—0,00	-	2.530
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	359,6	—0,00	-	2.420
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	35.100-35.700	—0,00	-	1.840-1.810
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	35.100-35.700	—0,00	-	1.860-1.830

Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi 15:12 03/08

Hình 1. Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi



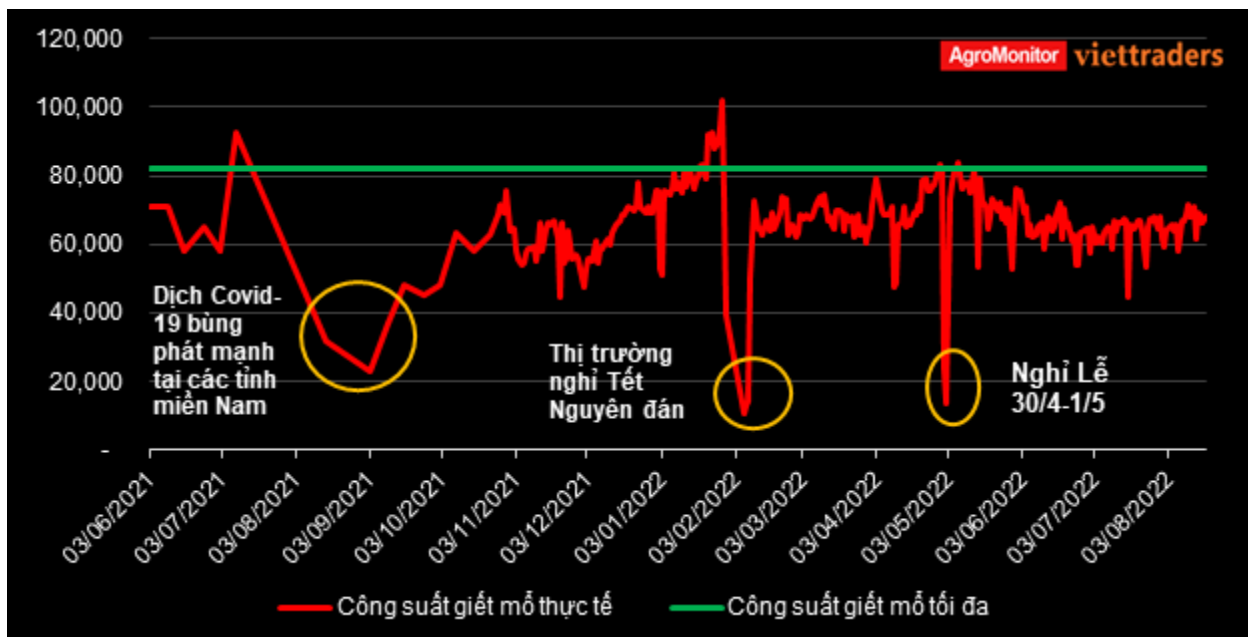
Nguồn: AgroMonitor tính toán dựa trên nhiều nguồn

Ghi chú: Giá tháng 1/2015 = 100 tại tất cả các loại

Lượng gia cầm giết mổ tại lò An Nhơn đến ngày 18/8/2022 (con/ngày) 11:36 14/07

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân giết mổ trong 18 ngày đầu tháng 8 đạt gần 66.000 con/ngày, tăng 5.4% so với cùng kỳ tháng 7.

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

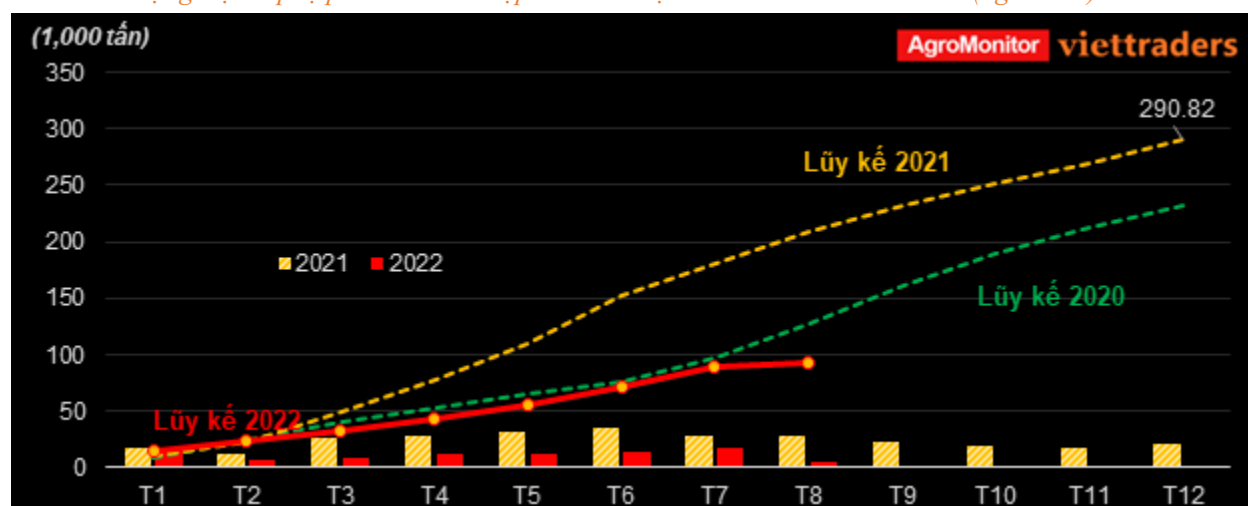


Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 9/8/2022 (nghìn tấn) 13:13 13/08

- Trong 9 ngày đầu tháng 8, Việt Nam nhập khẩu gần 4.58 nghìn tấn thịt và phụ phẩm từ heo, tương đương so với cùng kỳ tháng trước, chiếm 27% tổng thị phần nhập khẩu các loại thịt trong kỳ. Theo số liệu sơ bộ, tổng lượng thịt heo (mã hs 0203) nhập về Việt Nam trong 9 ngày đầu tháng 8/2022 đạt trên 2.33 nghìn tấn, giảm lần lượt 20% và 50% so với cùng kỳ tháng trước và cùng kỳ năm 2021. Đối với chân và phụ phẩm từ heo (mã hs 0206), lượng nhập khẩu về Việt Nam trong kỳ đạt trên 2.24 nghìn tấn, tăng trên 27% so với cùng kỳ tháng trước nhưng giảm 56% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng lượng về trong năm 2022 tới ngày 09/08 đạt gần 93.23 nghìn tấn, thấp hơn trên 50% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

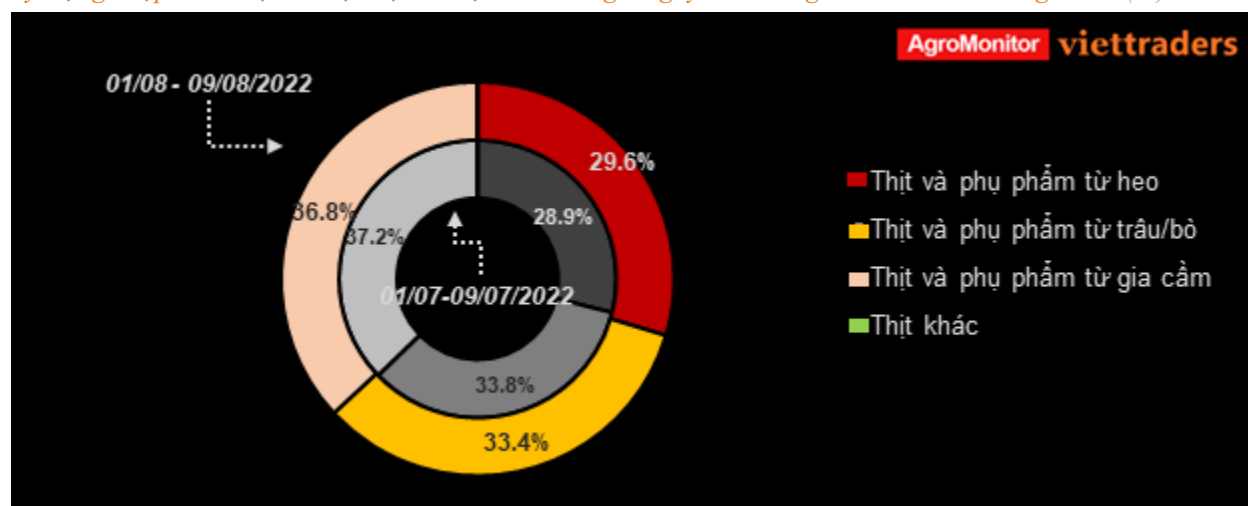
[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam từ 2020-09/08/2022 (nghìn tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tỷ trọng nhập khẩu một số loại thịt về Việt Nam trong 9 ngày đầu tháng 8/2022 so với tháng trước (%)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thị trường Gia súc thế giới ngày 19/8/2022

## TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THÉ GIỚI NGÀY 19/08/2022

<b>Thị trường Heo</b>	<p><b>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn cung heo ra thị trường nhiều hơn cộng thêm nắng nóng kéo dài tại nhiều khu vực khiến nhu cầu tiêu thụ chậm nên giá heo Trung Quốc giảm tiếp còn <b>21,6 tệ/kg</b> vào hôm nay, tương đương <b>75.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Tại <i>tỉnh Quảng Tây</i>, giá heo đạt <b>22,20 tệ/kg</b>, tương đương <b>~77.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Giá <i>heo DCE kỳ hạn tháng 9</i> nhích tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, lên quanh <b>20,6 tệ/kg</b>, tương đương <b>71.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Giá <i>heo con 7kg</i> đạt <b>42,01 tệ/kg</b>, tương đương <b>&gt;1.000.000 đồng/con</b>, nguồn cung heo con có nhiều hơn do đàn nái có chiều hướng tăng.</li> <li>- <i>Nguồn cung thịt heo nhập khẩu tại Trung Quốc giảm mạnh trong năm 2022 khi lượng về của 7 tháng đầu năm giảm tới 2/3 so với cùng kỳ năm trước</i>;</li> </ul>
	<p><b>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá <i>binh quân</i> vẫn đạt quanh <b>103,5 baht/kg</b>, tương đương <b>69.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Tại <i>miền Trung</i>, giá heo đạt <b>112,00 baht/kg</b>, tương đương <b>75.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Giá <i>heo con</i> vào tuần bắt đầu ngày 15/08 vẫn chưa ghi nhận nhiều điều chỉnh, đạt quanh <b>3.200 baht/con 7kg</b>, tương đương <b>~2,2 triệu đồng/con</b>.</li> </ul>
	<p><b>▶ <u>Giá heo Mỹ</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá <i>heo hơi</i> duy trì mức <b>95,19 cent/pound</b>, tương đương <b>&gt;49.000 đồng/kg</b>;</li> <li>- Giá <i>heo nạc CME kỳ hạn tháng 10/2022</i> giảm mạnh trở lại trong phiên giao dịch vừa qua, chịu áp lực bởi lực bán chốt lời sau khi báo cáo xuất khẩu hàng tuần được công bố cho thấy doanh số bán thịt heo Mỹ đáng thất vọng trong tuần kết thúc 11/08, mặt bằng giá xuống quanh <b>93,30 cent/pound</b>, tương đương <b>&gt;48.000 đồng/kg</b>.</li> </ul>
<b>Thông tin kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng USD đã tăng lên mức cao nhất trong một tháng vào phiên giao dịch vừa qua, khi các quan chức từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nhấn mạnh về việc cần “mạnh tay” hơn nữa trong việc tăng lãi suất, sau khi biên bản cuộc họp tháng 7 của Ngân hàng Trung ương Mỹ được công bố;</li> <li>- Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch nhiều giằng co ngày thứ Năm (18/08), khi mối lo về lãi suất tăng tiếp tục phủ bóng lên tâm trí nhà đầu tư;</li> </ul>

- Giá dầu tiếp tục được hỗ trợ bởi dữ liệu công bố hôm thứ Tư cho thấy lượng dầu thô tồn kho của Mỹ giảm mạnh. Báo cáo hàng tuần của Mỹ công bố hôm thứ Năm cho thấy số người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống cũng là nhân tố hỗ trợ giá dầu phiên này.

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### ▶ Tại Trung Quốc

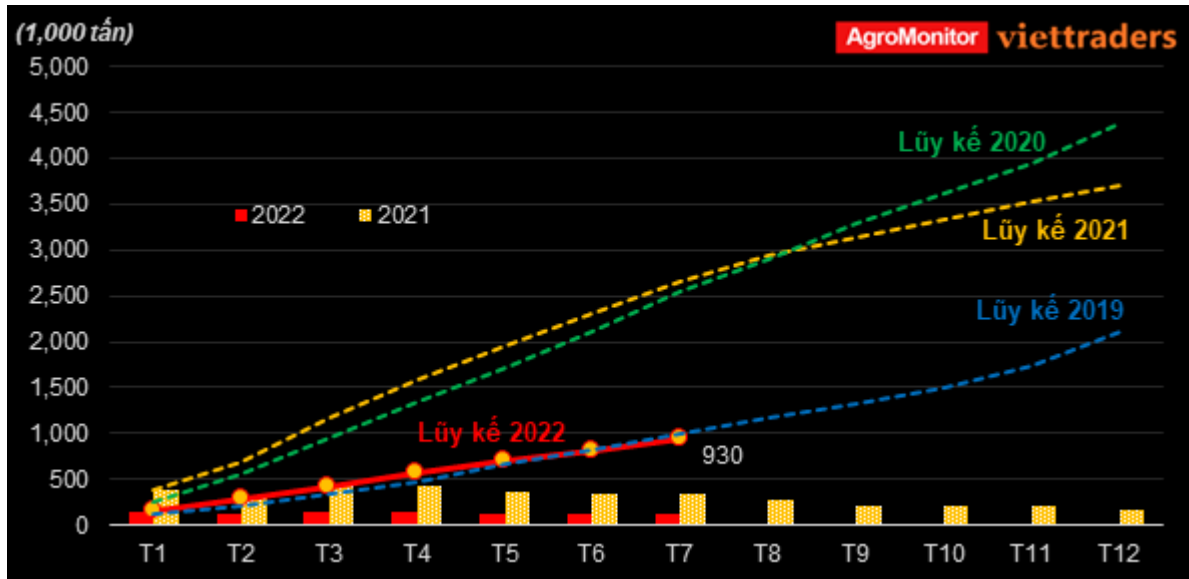
- Nguồn cung heo ra thị trường nhiều hơn cộng thêm nắng nóng kéo dài tại nhiều khu vực khiến nhu cầu tiêu thụ chậm nên giá heo Trung Quốc giảm tiếp còn 21,6 tệ/kg vào hôm nay, tương đương 75.000 đồng/kg. Tại các tỉnh phía Nam, giá heo cũng giảm nhẹ còn 22,2-23,5 tệ/kg, tương đương 77-81.000 đồng/kg.

- Có xu hướng trái ngược, giá heo hơi kỳ hạn tháng 9-11/2022 đảo chiều tăng trong phiên giao dịch hôm nay, lên quanh 20,6-21,5 tệ/kg tương đương 71-74.000 đồng/kg trước thông tin nguồn cung thịt nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh tới 2/3 so với cùng kỳ năm trước cùng việc Trung Quốc đứng trước áp lực mở cửa kinh tế để cứu vãn tăng trưởng.

- Theo báo cáo từ Bộ NN Mỹ, trong tuần kết thúc vào 11/08, lượng thịt heo Trung Quốc mua mới từ Mỹ ghi nhận mức thấp nhất theo tuần trong vòng 4 tháng qua với chỉ trên 200 tấn, đồng thời Mỹ tiếp tục xuất đi Trung Quốc hơn 5.000 tấn, đưa tổng lượng thịt heo Mỹ bán đi Trung Quốc từ đầu năm 2022 tới ngày 11/08 đạt 147.600 tấn, giảm gần 60% so với cùng kỳ năm trước.

- Dữ liệu công bố từ Hải quan Trung Quốc cho biết, trong tháng 7/2022 nước này chỉ nhập khẩu 120.000 tấn thịt heo, tương đương so với tháng trước đó và là mức thấp nhất kể từ đầu năm 2019, đưa tổng lượng về trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 930.000 tấn, giảm 65% so với lũy kế cùng kỳ năm trước và 7% so với cùng kỳ năm 2019.

*Hình 1. Lượng thịt heo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2019-T7/2022 (nghìn tấn)*



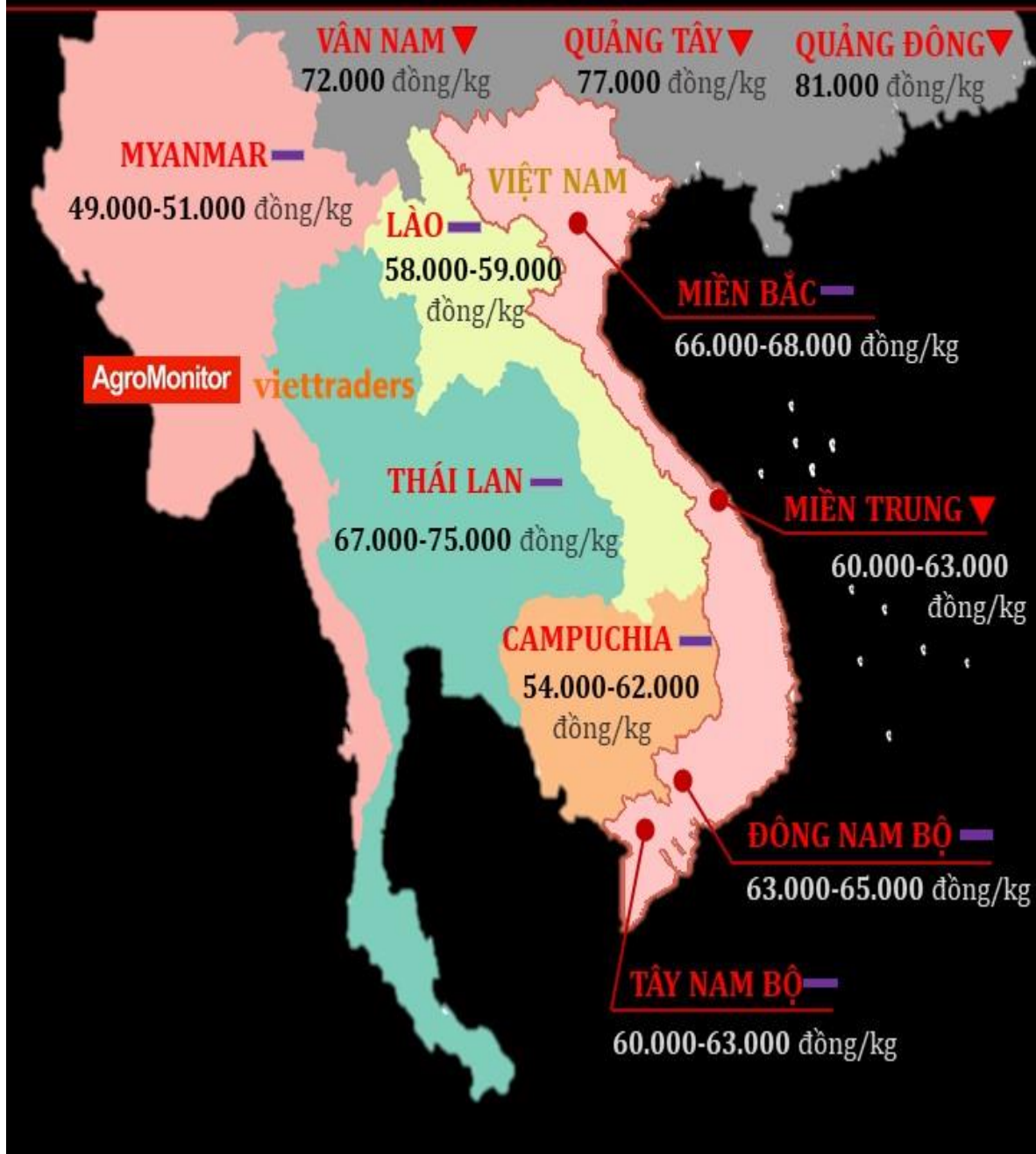
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

▶ Tại Thái Lan, Lào và Campuchia

- Tại Thái Lan, Lào và Campuchia, giá heo chưa ghi nhận nhiều biến động vào hôm nay.

Hình 2. Tương quan giá heo hơi một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 19/08/2022 (đồng/kg)

**TƯƠNG QUAN GIÁ HEO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC  
TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**  
NGÀY 19/08/2022



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

▶ [Tai Mỹ](#)

- Tại sàn Chicago, giá heo nạc các kỳ hạn đồng loạt giảm mạnh trong phiên giao dịch vừa qua, sau báo cáo hàng tuần của Bộ NN Mỹ cho biết lượng thịt heo Mỹ bán mới tiếp tục giảm mạnh trong tuần kết thúc 11/08. Kết phiên 18/08, giá heo nạc CME tháng 10/2022跌 mất tới 4,8% so với phiên trước, dao động quanh 93,3 cent/pound, tương đương 48.000 đồng/kg.

- Theo dữ liệu công bố từ Bộ NN Mỹ, trong tuần kết thúc 11/08 lượng thịt heo Mỹ bán mới tiếp tục giảm mạnh 37% so với tuần trước đó với chỉ 13.600 tấn do nhu cầu tại Trung Quốc tiếp tục suy yếu trong khi giao dịch mua hàng tại Mexico vẫn rất âm ỉ. Trong tuần, Việt Nam đã mua thêm 72 tấn thịt heo từ Mỹ trong khi Mỹ không ghi nhận đơn hàng nào xuất khẩu đi Việt Nam, theo đó tổng lượng thịt heo Việt Nam mua của Mỹ trong năm 2022 tới ngày 11/08 đạt gần 2.100 tấn, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước. Có diễn biến cùng chiều, tại kênh xuất khẩu, lượng thịt heo Mỹ rời cảng trong tuần kể trên cũng ghi nhận chiều hướng giảm nhẹ với 25.600 tấn, đưa tổng lượng thịt heo Mỹ bán cho các thị trường trong năm 2022 đến ngày 11/08 đạt gần 1,1 triệu tấn, giảm 20% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

## DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo Trung Quốc ghi nhận diễn biến giảm.

*Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước*

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
<b>Châu Á</b>						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	21,63	▼0,03	▲6,58	74.600
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	22,20	▼0,01	▲6,06	76.600
	(DCE) Kỳ hạn T9/2022	CNY/kg	20,69	▲0,22	▲4,99	71.100
	(DCE) Kỳ hạn T11/2022	CNY/kg	21,51	▲0,09	▲6,67	73.900
	(DCE) Kỳ hạn T1/2023	CNY/kg	22,68	▲0,13	▲1,54	78.000
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	103,50	—0,00	▲33,88	69.400
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	112,00	—0,00	▲48,75	75.100
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	10.200	▲100	-	58.000
Lào	Giao ngay	LAK/kg	38.200	▲100	-	58.400
<b>Châu Mỹ</b>						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	95,19	—0,00	▲21,16	49.400
Canada	Giao ngay	Penny/kg	256,25	—0,00	-	47.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,37	—0,00	▲0,16	32.300



*Giá heo con Thái Lan vẫn chưa ghi nhận điều chỉnh mới, giá heo con EU giảm trở lại sau khi tăng liên tiếp trong vòng 8 tuần.*

*Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước*

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	42,01	▼0,02	▼0,19	▲12,96	1.014.300
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.200	—0,00	—0,00	▲1.600	2.170.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.600 (+/- 100)	—0,00	—0,00	▲1.600	2.440.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	43,29	—0,00	▼1,24	▼0,47	1.018.600
	Biểu 18kg	USD/con	69,61	—0,00	▲3,56	▲12,41	1.637.900
EU	Giá bình quân	EUR/con	48,67	—0,00	▼0,27	▲11,66	1.194.000

*Giá thân thịt heo Mỹ các kỳ hạn tại sàn Chicago giảm mạnh trong phiên giao dịch đêm qua.*

*Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước*

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	28,73	▼0,18	▼0,81	▼1,64	▲7,11	99.100
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	119,91	▲1,44	▼3,40	▼3,99	▼0,70	62.200
	(CME) Kỳ hạn T10/22	Uscent/pound	93,30	▼4,75	▼7,78	▼2,48	▲4,30	48.400
	(CME) Kỳ hạn T12/22	Uscent/pound	85,18	▼3,25	▼5,45	▼1,05	▲3,33	44.200
	(CME) Kỳ hạn T2/2023	Uscent/pound	88,73	▼2,38	▼4,00	▼0,38	▲4,77	46.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	2,10	—0,00	▲0,06	-	▲0,16	49.400
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	202,28	—0,00	▲2,04	▲0,55	▲49,18	49.600
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	197,19	—0,00	▲2,51	▲4,07	▲50,46	48.400
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	225,31	—0,00	▲0,51	▲8,05	▲53,59	55.300

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### Dịch bệnh – Thiên tai

Trong tuần 04/08-10/08, trên thế giới ghi nhận thêm 75 ổ dịch tả heo châu Phi mới tại 11 quốc gia, trong đó có 19 ổ dịch mới đối với heo nôi.

*Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022*

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
04/08/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Nam Phi</b> ghi nhận 3 ổ dịch tả châu Phi đối với heo nôi khiến 333 con heo đã chết và bị tiêu hủy vì nhiễm bệnh;</li><li>- <b>Moldova</b> thông báo 1 ổ dịch mới với heo nôi khiến 2 con bị chết và 12 con bị tiêu hủy.</li></ul>
05/08/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Romania</b> báo cáo 4 ổ dịch tả châu Phi mới với heo nôi tại 2 khu vực, 15 con ghi nhận nhiễm bệnh và 5 con đã bị chết;</li><li>- <b>Macedonia</b> thông báo 2 ổ dịch tả châu Phi mới với heo nôi tại 2 khu vực riêng biệt, 4 con ghi nhận nhiễm bệnh và chết, 6 con đã bị tiêu hủy;</li><li>- <b>Nga</b> ghi nhận 6 ổ dịch với heo rừng và 4 ổ dịch với heo nôi tại 3 khu vực khiến 7 con heo rừng nhiễm bệnh và chết, 24 con heo nôi nhiễm bệnh, trong đó 19 con bị chết và số còn lại bị tiêu hủy;</li><li>- <b>Nepal</b> thông báo 1 ổ dịch mới với heo nôi tại miền Trung đất nước khiến 38 con bị nhiễm bệnh, 32 con đã bị chết.</li></ul>
09/08/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Latvia</b> cho biết đã phát hiện thêm 32 ổ dịch mới với heo rừng tại 4 khu vực khiến 38 con chết vì nhiễm bệnh.</li></ul>
10/08/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Malaysia</b> thông báo 7 ổ dịch mới với heo rừng tại 3 khu vực, 8 con đã chết vì nhiễm bệnh;</li><li>- <b>Ấn Độ</b> ghi nhận 4 ổ dịch tả châu Phi với heo nôi khiến 26 con bị nhiễm bệnh;</li><li>- <b>Hungary</b> cho biết 9 ổ dịch với heo rừng tại 3 khu vực, 10 con nhiễm bệnh và chết;</li><li>- Ý phát hiện 6 con heo rừng đã chết vì nhiễm dịch tả châu Phi từ 4 ổ dịch thuộc khu vực Piedmont.</li></ul>

### Sản xuất – Tiêu thụ

▶ **Tại Mỹ**

Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ trong 4 ngày đầu tuần này đạt 1,87 triệu con, tương đương so với 4 ngày đầu tuần trước nhưng vẫn giảm trên 20 nghìn con so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 5. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)**

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
15/08/2022	428	442	442*	458	475
16/08/2022	476	476	918	932	946
17/08/2022	478	478	1.396	1.406	1.419
18/08/2022	474	-	1.870	1.869	1.891

Ghi chú: \* số liệu điều chỉnh

**► Tại Trung Quốc**

Lượng heo xuất bán của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc tiếp tục sụt giảm vào tháng 7 trong bối cảnh đà tăng của giá heo hơi chững lại vào nửa cuối tháng do tiêu thụ yếu hơn bởi thời tiết nắng nóng cùng lo ngại suy thoái kinh tế gây nên bởi ảnh hưởng của dịch Covid 19. Trong đó, công ty Muyuan xuất bán gần 4,6 triệu con heo, đưa tổng doanh số bán heo sống trong 7 tháng đầu năm lên gần 35,9 triệu con, cao hơn 75% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 72% kế hoạch đề ra cho cả năm 2022.

**Bảng 6. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)**

ST T	Doanh nghiệp	Quý I	Quý II	Tháng 7			7T 2022		
				Lượng xuất bán (1.000 con)	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	Lượng xuất bán (1.000 con)	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với mục tiêu 2022 (%)
1	Muyuan	13.817,0	17.463,0	4.594,0	▼13%	▲75%	35.874,0	▲75%	72%
2	Zhenbang Tech	2.426,1	2.419,1	882,5	▲18%	▼57%	5.727,7	▼35%	-
3	New Hope	3.696,8	3.151,4	942,3	▼4%	▲54%	7.790,5	▲53%	56%
4	Wen's	4.023,5	3.982,4	1.324,3	▲7%	▼4%	9.330,2	▲56%	52%
5	Cofco	1.159,0	1.109,0	247,0	▼19%	▼14%	2.515,0	▲24%	-
6	Dabeinong	1.071,4	911,8	270,3	▼5%	▼38%	2.253,5	▲6%	50%

7	Aonong Bio	1.046,7	1.297,1	429,2	▼12%	▲93%	2.773,0	▲83%	50%
8	Tianbang	1.004,3	1.074,7	326,9	▲6%	▲9%	2.405,9	▲13%	60%
9	Tiankang Bio	375,1	554,6	165,9	▼20%	▲67%	1.097,4	▲28%	50%
10	Tang Ren Shen	383,4	479,6	182,1	▲12%	▲88%	1.045,1	▲9%	52%
11	Jin Xinnong	335,8	333,8	98,1	▼26%	▲126%	767,7	▲51%	59%
12	Luo Niu Shan	103,8	133,2	45,3	▲5%	▲73%	282,0	▲39%	-
13	Dawnrays	125,8	117,0	42,1	▲27%	▲39%	284,9	▲41%	52%
14	Zhenhong Tech	36,8	56,5	12,7	▼22%	▲65%	106,0	▲10%	-
15	Huatong	162,2	323,9	94,2	▼20%	▲147%	580,3	▲506%	-

Ghi chú: Lượng heo xuất bán trong 7 tháng đầu năm nếu tương đương hoặc nhiều hơn 58% so với kế hoạch thì được xem là có thể hoàn thành được mục tiêu đề ra cho cả năm.

**màu xanh:** các doanh nghiệp hoàn thành **trên 58%** kế hoạch xuất bán cho cả năm;

**màu đỏ:** các doanh nghiệp hoàn thành **dưới 58%** kế hoạch xuất bán cho cả năm

Trong tháng 7, lượng heo xuất bán của Muyuan giảm thêm so với tháng 6 nhưng doanh thu theo tháng tiếp tục tăng mạnh với mức tăng gần 20% và thiết lập mức cao kỷ lục mới đối với doanh thu bán hàng trong vòng 1 tháng nhờ giá heo hơi liên tiếp được điều chỉnh tăng vào nửa đầu tháng.

**Bảng 7. Theo dõi hoạt động kinh doanh heo của CT TNHH Muyuan (Trung Quốc) từ 1/2021-7/2022**

Năm	Tháng	Lượng bán (10.000 con)		Tổng doanh thu (100 triệu tệ)		Giá heo hơi xuất bán (tệ/kg)	
		Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	So với tháng trước
2021	1&2	488,7	488,7	122,81	122,81	26,95	-
	3	283,3	772,0	70,58	193,39	23,21	▼14%
	4	314,5	1086,5	79,24	272,62	21,11	▼9%
	5	309,7	1,396,2	67,80	340,42	17,65	▼16%
	6	347,5	1743,7	57,07	397,49	13,58	▼23%
	7	301,1	2044,7	52,07	449,56	15,04	▲11%
	8	257,3	2302,0	42,34	491,90	13,92	▼7%

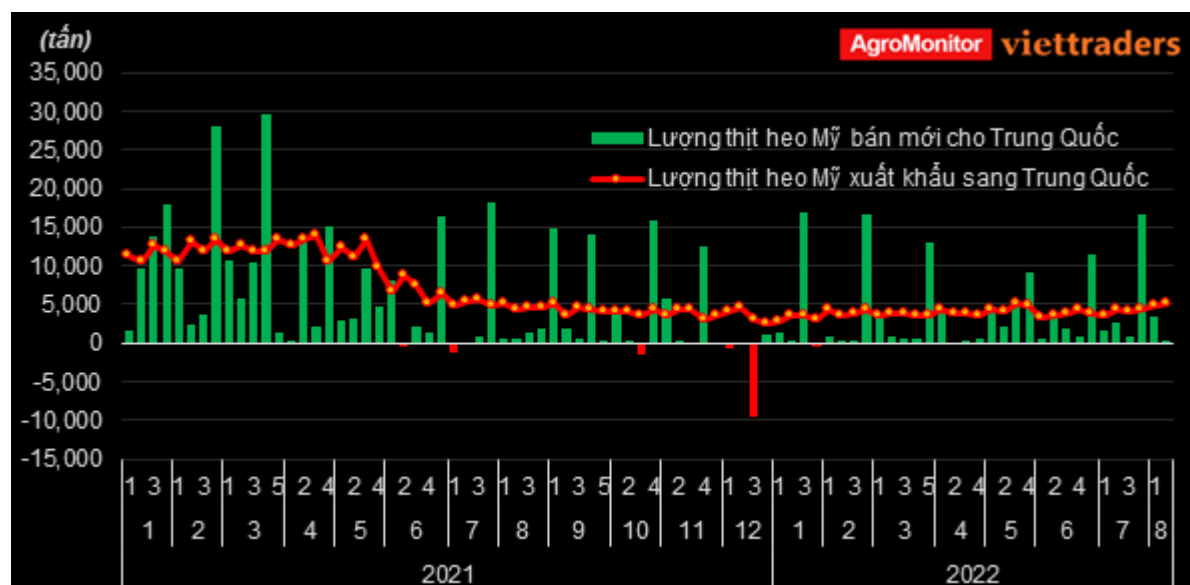
	9	308,6	2610,6	42,70	534,60	11,50	▼17%
	10	525,8	3136,4	71,00	605,60	11,90	▲3%
	11	387,4	3523,9	67,70	673,30	16,00	▲34%
	12	502,5	4026,3	77,70	750,90	14,80	▼8%
2022	1&2	783,1	783,1	101,60	101,60	12,40	▼16%
	3	598,6	1381,7	74,30	176,00	11,70	▼6%
	4	632,1	2018,8	79,42	255,36	12,56	▲8%
	5	586,3	2600,1	84,09	339,46	14,87	▲18%
	6	527,9	3128,0	87,54	426,99	16,53	▲11%
	7	459,4	3587,4	104,91	531,90	21,33	▲29%

## Thương mại

### ▶ Tại Trung Quốc

*Trong tuần kết thúc 11/08, lượng thịt heo Trung Quốc mua mới từ Mỹ giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong vòng 4 tháng qua.*

*Hình 3. Diễn biến lượng thịt heo Mỹ xuất khẩu và bán mới cho Trung Quốc năm 2021 – tuần 2/8/2022 (tấn)*



*Ghi chú: Tuần 1 tháng 8 tương ứng với tuần kết thúc ngày 11/08/2022*

*Nguồn: AgroMonitor tổng hợp từ số liệu của Bộ NN Mỹ*

### ▶ Tại Mỹ

*Lượng thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 11/08 tiếp tục giảm mạnh gần 40% so với tuần trước đó, ghi nhận doanh số bán thịt heo theo tuần đạt mức thấp nhất trong gần 5 tháng qua.*

*Bảng 8. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ*

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
21/07/2022	27.002	21.635	<b>1.024.088</b>	435.982 (▲3%)	127.124 (▼61%)	2.008 (▼44%)
28/07/2022	26.047	31.035	<b>1.055.123</b>	444.596 (▲3%)	143.891 (▼58%)	2.008 (▼44%)
04/08/2022	27.187	21.496	<b>1.076.619</b>	454.769 (▲4%)	147.401 (▼57%)	2.007 (▼44%)
11/08/2022	25.600	13.582	<b>1.090.201</b>	461.828 (▲4%)	147.633 (▼57%)	2.079 (▼42%)

*Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.*

## PHỤ LỤC

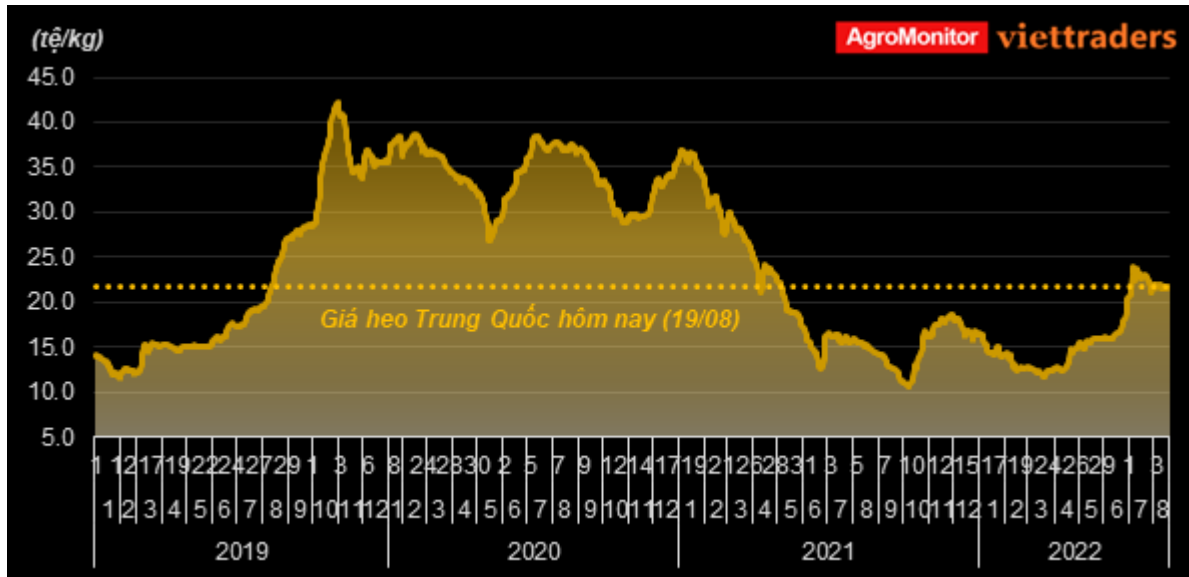
### Diễn biến giá

#### ▶ Trung Quốc

*Bảng 9. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 19/08/2022*

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	23,53	▼0,07	▼0,14	▼1,24	▲6,94	81.200
Quảng Tây	22,20	▼0,01	▼0,08	▼0,13	▲6,06	76.600
Vân Nam	20,77	▼0,25	▲0,33	▼0,69	▲6,90	71.600
Phúc Kiến	22,26	▼0,21	▲0,19	▼1,06	▲6,26	76.800
Tứ Xuyên	21,80	▼0,15	▲0,17	▼0,25	▲6,95	75.200
Liêu Ninh	21,06	▲0,36	▲0,52	▼1,11	▲7,04	72.600
Hà Bắc	21,35	▲0,08	▼0,11	▼1,25	▲6,42	73.600
Sơn Đông	21,53	▲0,08	▼0,16	▼1,69	▲6,28	74.300
<b>Giá trung bình cả nước</b>	<b>21,63</b>	<b>▼0,03</b>	<b>▲0,03</b>	<b>▼1,14</b>	<b>▲6,58</b>	<b>74.600</b>

*Hình 4. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-19/08/2022 (tệ/kg)*



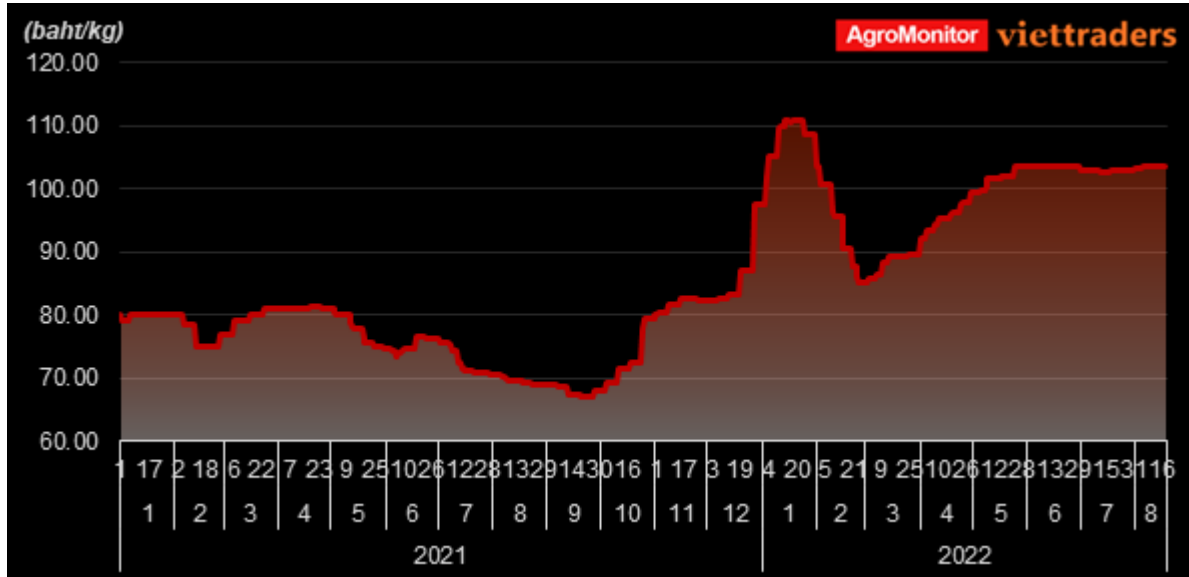
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 10. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 18/08/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲31,50	66.800
Vùng Đông Bắc	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲29,00	66.800
Miền Trung	112,00	—0,00	—0,00	▲4,00	▲48,75	74.900
Miền Đông	109,00	—0,00	—0,00	▲1,00	▲33,00	72.900
Miền Tây	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲32,00	66.800
Miền Nam	100,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲29,00	66.800
<b>Giá trung bình cả nước</b>	<b>103,50</b>	<b>—0,00</b>	<b>—0,00</b>	<b>▲0,83</b>	<b>▲33,88</b>	<b>69.200</b>

Hình 5. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-18/08/2022 (baht/kg)



Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

### Sản xuất – Tiêu thụ

#### ▶ **Tại Mỹ**

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 13/08 tăng nhẹ 0,3% so với tuần trước đó.

*Bảng 11. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần*

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1,000 tấn)	Lũy kế 2022 (1,000 tấn)	2022/2021 (%)
23/07/2022	129,3	2.285	220,4	6.812,1	▼3,1
30/07/2022	129,3	2.291	220,7	7.032,7	▼3,0
06/08/2022	128,8	2.332	224,2	7.256,9	▼2,9
13/08/2022	128,4	2.338	224,1	7.481,0	▼2,9

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ dự báo sản lượng thịt heo năm 2022 tiếp tục giảm nhẹ 0,3% so với báo cáo trước đó do hoạt động giết mổ heo vào quý III có thể sẽ diễn ra tương đối chậm trong bối cảnh nguồn cung heo hơi thắt chặt khiến giá heo hơi hiện vẫn thiết lập ở mức cao kỷ lục.

*Bảng 12. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)*

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021	212	12.560	535	13.307	3.187	9.918	202



<b>2022</b>							
Dự báo T6/22	202	12.353	655	<b>13.210</b>	3.003	9.959	247
Dự báo T7/22	202	12.326	704	<b>13.232</b>	2.983	9.993	256
Dự báo T8/22	202	<b>12.289</b>	<b>702</b>	<b>13.193</b>	<b>2.982</b>	<b>9.955</b>	256
<b>2023</b>							
Dự báo T6/22	247	12.419	653	<b>13.320</b>	2.953	10.104	263
Dự báo T7/22	256	12.490	737	<b>13.483</b>	2.955	10.251	277
Dự báo T8/22	256	12.490	737	<b>13.483</b>	2.955	10.251	277

## B. THỊ TRƯỜNG TACN & CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

### ► Giá nguyên liệu TACN trên thế giới

Giá lúa mì CBOT chạm mức thấp nhất kể từ tháng 10/2021 trong phiên giao dịch vừa qua.

*Bảng 13. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới*

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	Thay đổi	Diễn biến chính
<b><u>Ngô</u></b>					
CBOT - Mỹ	T9/2022	cent/bushel	619,60	▲ 4,60	Giá ngô CBOT biến động yếu trong phiên giao dịch châu Á và châu Âu sau đó đã có lúc bật tăng hơn 1% vào đầu phiên giao dịch châu Mỹ khi doanh số bán ngô Mỹ trong tuần kết thúc vào 11/08 tăng vượt mức kỳ vọng thị trường.
DCE - Trung Quốc	T9/2022	CNY/tấn	2654	▼ 37	
<b><u>Lúa mì</u></b>					
CBOT - Mỹ	T9/2022	cent/bushel	731,40	▼ 31,80	Giá lúa mì CBOT kỳ hạn tháng 9/2022 có xu hướng suy yếu trong phần lớn phiên giao dịch và kết phiên giảm mạnh tới 4,1% so với phiên trước đó, ở mức 731,4 cent/bushel- mức thấp nhất kể từ giữa tháng 10/2021 trước lực bán kỹ thuật mạnh mẽ của các quỹ.
FOB - Canada 13,5%	T9/2022	USD/tấn	354,75	▼ 11,50	
<b><u>Khô đậu tương</u></b>					
CBOT - Mỹ	T9/2022	USD/tấn ngắn	449,40	▲ 8,80	Giá khô đậu tương kỳ hạn tháng 12 trên sàn CBOT có xu hướng

DCE - Trung Quốc	T9/2022	CNY/tấn	4077	▲5	đi lên trong hầu hết thời gian của phiên giao dịch và kết phiên tăng mạnh 1,8% so với phiên trước đó, ở mức 407,9 USD/tấn nhờ nhu cầu đậu tương nội địa Mỹ tăng mạnh cùng đà giảm mạnh trái chiều của giá dầu đậu tương.
------------------	---------	---------	------	----	--

► **Giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc**

Theo giám sát giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc tại 500 điểm chợ nông sản, thu mua trên cả nước, trong tuần bắt đầu ngày 15/08/2022, giá ngô và khô đậu tương không ghi nhận nhiều biến động giữ giá cầm heo đi ngang. Giá thịt heo giảm trong tuần thứ 3 liên tiếp, tuy nhiên giá thịt gà, thịt bò, thịt cừu và giá trứng vẫn ghi nhận chiều hướng tăng tốt, trong đó giá thịt gà đã tăng liên tiếp trong 18 tuần.

*Bảng 14. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 15/08/2022*

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<b><u>Thức ăn chăn nuôi</u></b>					
Ngô	2,99	—0	▲1,4%	10.800	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các <b>khuvực sản xuất</b> chính là 2,76 tệ/kg, giảm 0,4% so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, <b>khuvực tiêu thụ chính</b> , là 3,07 tệ/kg, tương đương so với tuần trước.
Khô đậu tương	4,41	▲0,2%	▲16,4%	15.900	- Phá vỡ mốc 4 tệ/kg trong 26 tuần liên tiếp.
Cám heo	3,86	—0	▲6,9%	13.900	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng.
<b><u>Sản phẩm chăn nuôi</u></b>					
Thịt heo	33,75	▼0,5%	▲30,9%	122.000	- Giảm nhẹ trong tuần thứ 3 liên tiếp.
Thịt bò	87,04	▲0,2%	▲2,3%	314.500	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh <b>sản xuất chính</b> như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 78,20 tệ/kg, giảm 0,3% so với tuần trước; - Mức giá cao nhất trong vòng 19 tuần qua.
Thịt cừu	81,35	▲0,3%	▼0,8%	294.000	- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh <b>sản xuất chính</b> như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 74,63 tệ/kg, tăng 0,3% so với tuần trước;

					- Mức giá cao nhất trong vòng 9 tuần qua.
Thịt gà	24,20	▲ 0,4%	▲ 10,9%	87.400	- Tăng trong 18 tuần liên tiếp.
Sữa bò	4,12	▲ 0,2%	▼ 5,5%	14.900	- Giá bình quân tại <b>10 tỉnh sản xuất</b> bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.
Trứng gà	11,46	▲ 0,3%	▲ 3,2%	41.400	- Tăng trong tuần thứ 5 liên tiếp, mức giá cao nhất trong vòng 11 tuần qua.

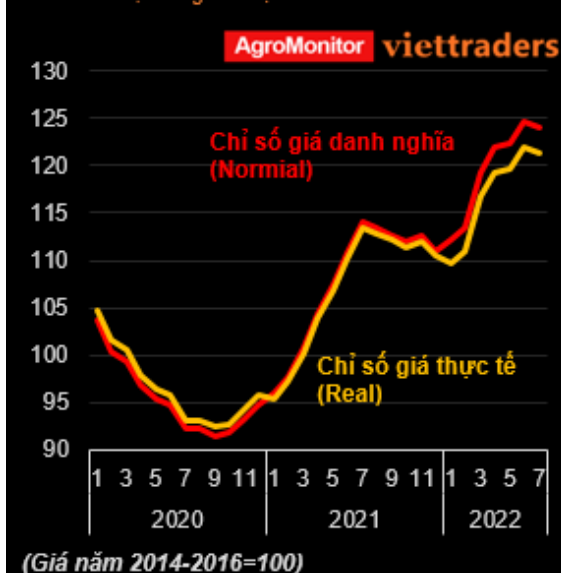
Ghi chú: \* Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

\* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

### ► Chỉ số giá thịt toàn cầu

Chỉ số giá thịt của FAO đạt trung bình 124,0 điểm trong tháng 7/2022, giảm 0,6 điểm (0,5%) so với tháng trước, đánh dấu mức giảm đầu tiên sau 6 tháng tăng liên tiếp.

Hình 6. Chỉ số giá thịt hàng tháng theo chỉ số danh nghĩa và chỉ số thực tế giai đoạn 2020-7/2022



Hình 7. Chỉ số giá thịt các loại hàng tháng giai đoạn 2016-7/2022



Nguồn: FAO

## C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

### ► Tỷ giá một số đồng tiền chính

Đồng USD đã tăng lên mức cao nhất trong một tháng vào phiên giao dịch vừa qua, khi các quan chức từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nhấn mạnh về việc cần “manh tay” hơn nữa trong việc tăng lãi suất, sau khi biên bản cuộc họp tháng 7 của Ngân hàng Trung ương Mỹ được công bố.

Bảng 15. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 19/08/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,690	▼0,60	AUD/VND*	16.440	▼0,41
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,194	▼0,05	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,772	▼0,30	CAD/VND*	18.389	▼0,14
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,147	▼0,07	CNY/VND	3.449	▼0,07
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,008	▼1,05	EUR/VND*	24.439	▼0,39
GBP (Anh)	GBP/USD	1,191	▼1,19	GBP/VND*	28.559	▼0,37
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,58	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,69	▼0,52
LAK (Lào)	-	-	-	LAK/VND	1,53	▼0,65
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,028	▼0,71	THB/VND*	668	▼0,69
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	23.540	▼0,02

Ghi chú: \* giá bán ra của Vietcombank

Hình 8. Biến động chỉ số DXY năm 2020-2022



Nguồn: Tradingeconomics (cập nhật vào lúc 8:30 ngày 19/08 theo giờ Việt Nam)

▶ Thị trường chứng khoán Mỹ

Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch nhiều giằng co ngày thứ Năm (18/08), khi mối lo về lãi suất tăng tiếp tục phủ bóng lên tâm trí nhà đầu tư.

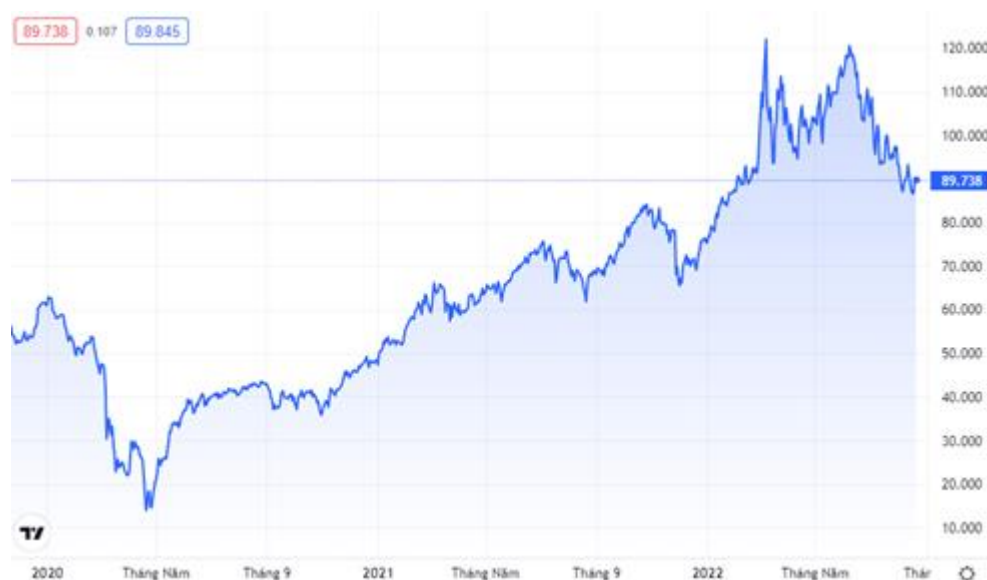
Chốt phiên 18/08, chứng khoán Mỹ ghi nhận:

- Chỉ số Dow Jones tăng 0,06%, chốt ở 33.999,04 điểm;
- Chỉ số S&P 500 tăng 0,23%, đạt 4.283,74 điểm;
- Chỉ số Nasdaq tăng 0,21%, đạt 12.965,34 điểm.

### ▶ Giá dầu thế giới

Giá dầu tiếp tục được hỗ trợ bởi dữ liệu công bố hôm thứ Tư cho thấy lượng dầu thô tồn kho của Mỹ giảm mạnh. Báo cáo hàng tuần của Mỹ công bố hôm thứ Năm cho thấy số người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống cũng là nhân tố hỗ trợ giá dầu phiên này. Giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 3,09%, chốt ở 96,59 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 2,7%, chốt ở 90,5 USD/thùng.

Hình 9. Biến động giá dầu thô WTI năm 2020-2022



Nguồn: Tradingeconomics (cập nhật vào lúc 8:30 ngày 19/08 theo giờ Việt Nam)  
Thị trường Gia súc nội địa ngày 19/8/2022

13:43 19/08/2022

**TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 19/08/2022**

## THỊ TRƯỜNG HEO

### Giao dịch heo hơi nội địa

<b><u>Miền Bắc</u></b>	<p>Giao dịch heo tiếp tục trầm lắng, làm tăng áp lực tồn kho của một số công ty. Mức giá giao dịch phổ biến giữ quanh <b>66.000-67.000</b> đồng/kg, mức <b>trên 68.000</b> đồng/kg khó bán hoặc chỉ áp dụng với heo đẹp, đều.</p> <p><i>Thương lái nhận định, nếu giá heo các công ty lớn có sự điều chỉnh giảm vào cuối tuần này thì heo dân sẽ đổ ra bán nhiều hơn sau khi ếm lại thời gian qua để chờ tăng giá trước thềm năm học mới bắt đầu.</i></p>	<b><i>Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:</i></b>  - Do nhu cầu từ miền Bắc chậm trong khi biểu heo to trên 115kg/con tại miền Nam có lại nên giá heo đóng lên xe các khu vực này có xu hướng giảm còn <b>61.000-63.000</b> đồng/kg tùy biểu heo và tùy tỷ lệ loại hàng đầu, mức giá trên 64.000 đồng/kg của khu vực Nam miền Trung gần như không có người bắt.
<b><u>Miền Trung &amp; miền Nam</u></b>	<p>Mặt bằng giá heo không có nhiều điều chỉnh vào hôm nay, giữ quanh mức <b>62.000-64.000</b> đồng/kg, riêng khu vực Bắc miền Trung giá phổ biến <b>65.000-66.000</b> đồng/kg.</p>	
<b><u>Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ</u></b>		
<b><u>Chợ đầu mối Ngọc Lũ</u></b>	<p>- Lượng heo về chợ đạt <b>gần 2.500</b> con do heo từ miền Trung/miền Nam đưa ra đạt <b>7-8</b> xe.</p> <p>- <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bán chậm do khách tới chợ ít, với giá heo đầu giảm tiếp còn <b>67.000</b> đồng/kg với heo dân, <b>70.000</b> đồng/kg với heo từ miền Trung/Nam, hàng chân khó bán và tồn lại tới hôm sau.</p>	
<b><u>Chợ đầu mối Tân Xuân</u></b>	<p>- Rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt <b>gần 4.500</b> con, giảm nhẹ so với hôm qua, trong đó nhập chợ đạt <b>gần 4.300</b> con.</p> <p>- <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn <b>64.000-65.000</b> đồng/kg vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 72-76.000 đồng/kg.</p>	

## A. THỊ TRƯỜNG HEO

### I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

## 1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, giao dịch heo tiếp tục trầm lắng, làm tăng áp lực tồn kho của một số công ty. Mức giá giao dịch phổ biến giữ quanh 66-67.000 đồng/kg, mức trên 68.000 đồng/kg khó bán hoặc chỉ áp dụng với heo đẹp, đều.

- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:** Do nhu cầu từ miền Bắc chậm trong khi biểu heo to trên 115kg/con tại miền Nam có lại nên giá heo đóng lên xe các khu vực này có xu hướng giảm còn 61-63.000 đồng/kg tùy biểu heo và tùy tỷ lệ loại hàng đầu, mức giá trên 64.000 đồng/kg của khu vực Nam miền Trung gần như không có người bắt.

- Thương lái nhận định, nếu giá heo các công ty lớn có sự điều chỉnh giảm vào cuối tuần này thì heo dân sẽ đổ ra bán nhiều hơn sau khi ếm lại thời gian qua để chờ tăng giá trước thêm năm học mới bắt đầu.

*Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)*

Khu vực		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty-Miền Bắc		68,000	68,000	67,000-69,000
Heo dân	Thái Bình	67,000-69,000	67,000-69,000	66,000-70,000
	Bắc Giang	67,000-68,000	67,000-68,000	66,000-70,000
	Hà Nội	67,000-68,000	67,000-69,000	66,000-70,000
<b>Heo giống</b>				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		132,000-137,000	132,000-137,000	132,000-137,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,600,000-1,700,000	1,600,000-1,700,000	1,600,000-1,700,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,750,000-1,850,000	1,750,000-1,850,000	1,750,000-1,850,000

## 2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, mặt bằng giá heo không có nhiều điều chỉnh vào hôm nay, giữ quanh mức 62-64.000 đồng/kg, mức dưới 62.000 đồng/kg cho heo dân chất lượng kém hơn; riêng khu vực Bắc miền Trung giá phổ biến 65-66.000 đồng/kg.

*Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)*

Khu vực		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
	Bắc Trung Bộ	68,000	68,000	67,000-69,000

Heo công ty	Nam Trung Bộ	64,000-65,000	64,000-65,000	64,000-65,000
Heo dân	Nghệ An	64,000-66,000	64,000-66,000	64,000-67,000
	Bình Định	60,000-62,000	61,000-63,000	60,000-62,000
	Đắc Lắc	60,000-63,000	60,000-63,000	60,000-63,000

### 3. Miền Nam

*Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)*

Loại giá		19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
<b>Heo hơi</b>				
Heo công ty	Đồng Nai	64,000	64,000	64,000
	Miền Tây	63,500-64,000	63,500-64,000	63,500-64,000
Heo dân	Đồng Nai	63,000-65,000	63,000-65,000	62,000-64,000
	Tiền Giang	61,000-64,000	61,000-64,000	61,000-63,000
	Bến Tre	61,000-63,000	61,000-63,000	60,000-63,000
<b>Heo giống</b>				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		115,000-130,000	115,000-130,000	115,000-130,000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,650,000-1,750,000	1,650,000-1,750,000	1,650,000-1,750,000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1,500,000-1,700,000	1,500,000-1,700,000	1,500,000-1,700,000

## II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

### *Miền Bắc*

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt gần 2.500 con do heo từ miền Trung/miền Nam đưa ra đạt 7-8 xe. Chợ bán chậm do khách tới chợ ít, với giá heo đầu giảm tiếp còn 67.000 đồng/kg với heo dân, 70.000 đồng/kg với heo từ miền Trung/Nam, hàng chân khó bán và tồn lại tới hôm sau.

### *Miền Nam*

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.500 con, giảm nhẹ so với hôm qua, trong đó nhập chợ đạt gần 4.300 con. Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn 64-65.000 đồng/kg vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 72-76.000 đồng/kg.



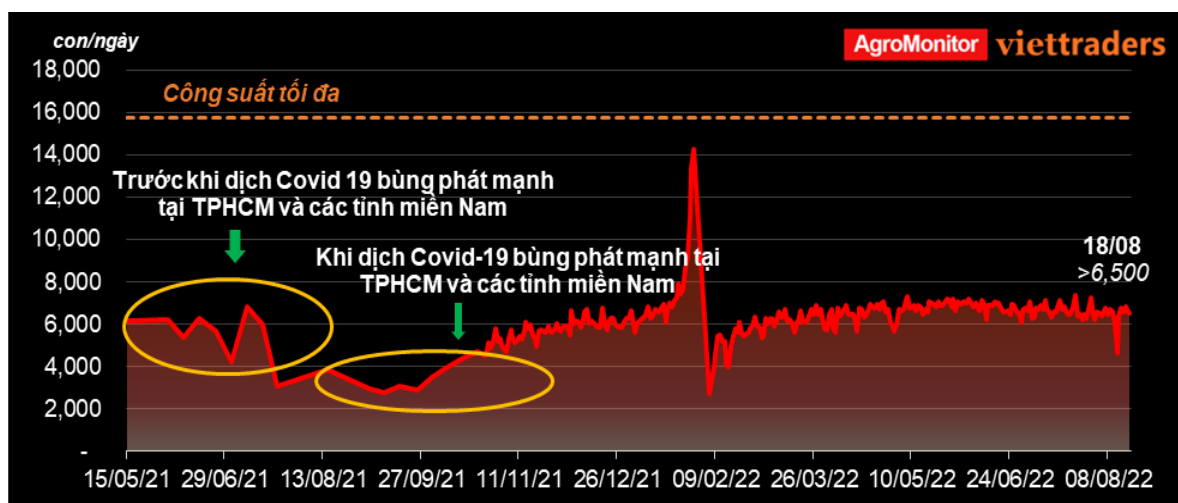
Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

Khu vực	Chợ đầu mối		19/08/2022	18/08/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	~2,500	>2,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến (đồng/kg)	65,000-70,000	66,000-70,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	4,270	>4,300
		Giá giao dịch (đồng/kg)	64,000-82,000	67,000-81,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	19/08/2022	18/08/2022
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	84,500-86,000	84,500-86,000
		CP - miền Nam	78,000-78,500	78,000-78,500
		CJ - miền Nam	75,000	75,000
		Eminvest - miền Nam	75,000	75,000
Heo móc hàm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	86,000-90,000	86,000-90,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	41.000	41.000

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 18/08/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

### III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

*Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng*

<b>Khu vực</b>	<b>Xu hướng dịch bệnh</b>
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi vẫn đang lai rai nỏ, heo chạy dịch biểu dưới 100kg vẫn được bán ra thị trường nhưng lượng không nhiều.
Miền Trung	- Tại khu vực Bắc miền Trung, dịch bệnh trên heo cũng lai rai nỏ lại. Tương tự, tại Nam miền Trung, thời tiết có mưa khiến dịch tả châu Phi cũng có xu hướng tái bùng phát lại, ghi nhận nhiều điểm dịch hơn so với thời gian trước.
Miền Nam	- Tại cả miền Đông và miền Tây, dịch tả châu Phi nỏ lai rai tại một số khu vực.

## **B. THỊ TRƯỜNG BÒ**

### **I. Giá cả giao dịch nội địa**

*Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)*

<b>Chủng loại</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>
Bò cái già	74,000-77,000	74,000-77,000
Bò cái tơ	80,000-82,000	80,000-82,000
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	81,000-85,000	81,000-85,000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	91,000-92,500	91,000-92,500
Bò nội – bò 3B	94,000-97,000	94,000-97,000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	195,000	195,000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	197,000	197,000
Bò tuột – bò ta	205,000	205,000

*Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)*

<b>Chủng loại</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>
Bò thiếu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	82,000-83,000	82,000-83,000
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	80,000-81,000	80,000-81,000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	88,000-90,000	88,000-90,000
Bò tuột nội địa	167,000-168,000	167,000-168,000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 19/8/2022

12:03 19/08/2022

## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

NGÀY 19/08/2022

### I. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

#### CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 19/08/2022

<b>GÀ TRẮNG</b>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p> <p>- Tại miền Bắc, giá đi ngang mức <b>35.5-37.500</b> đồng/kg. Tiêu thụ gà trắng trong 10 ngày cuối tháng 8 khó cải thiện tuy nhiên nguồn cung gà còn thiếu hụt khiến thị trường kỳ vọng giá có thể sẽ tiếp tục tăng nhẹ trong tuần tới.</p> <p>- Tại miền Nam, giao dịch gà đẹp trong chuẩn giữ ổn định <b>38-40.000</b> đồng/kg. Tuy nhiên, do thời tiết mưa kéo dài ảnh hưởng chất lượng gà tại một số khu vực không đẹp khiến mức giá 37.000 đồng/kg xuất hiện nhiều hơn.</p>
<b>GÀ MÀU</b>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p> <p>- Tại miền Bắc, giá gà màu tiếp tục giữ ổn định quanh mức <b>42-44.000</b> đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày, <b>55-59.000</b> đồng/kg gà Minh Dư, <b>62-64.000</b> đồng/kg gà Dabaco và <b>60-61.000</b> đồng/kg gà Japfa. Tiêu thụ gà dân tốt hơn do mức giá tương đương trong khi chất lượng gà thả vườn đẹp hơn công ty.</p> <p>- Tại miền Nam, lượng gà tồn ký chưa được giải phòng hết khiến giá tiếp tục chững lại ở mức thấp, <b>37-40.000</b> đồng/kg với gà ta lai CP, <b>55.000</b> đồng/kg với gà Dabaco và <b>40-47.000</b> đồng/kg gà Minh Dư.</p> <p>▶ <u>Tình hình tái đàn</u></p> <p>- Tại miền Bắc, nhu cầu vào đàn phục vụ các dịp lễ tết cuối năm chưa hạ nhiệt hỗ trợ giá gà màu giống tiếp tục tăng lên quanh mức <b>16-18.000</b> đồng/con (mua xô), tùy loại. Dự kiến, giá giống tại miền Bắc sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao đến hết tháng 8 này, sau đó giá sẽ đảo chiều giảm dần trong tháng 9 khi các trại đã vào kín chuồng phục vụ dịp cuối năm.</p>
<b>VỊT</b>	<p>▶ <u>Tình hình giao dịch</u></p>

	<p>- Tại miền Bắc, giá vịt ổn định quanh mức <b>40-41.000</b> đồng/kg. Dự kiến, giá vịt có thể sẽ đảo chiều giảm nhẹ vào 2 ngày cuối tuần khi thời tiết được dự báo mưa kéo dài ảnh hưởng đến việc thu mua của cánh thương lái.</p> <p>- Tại miền Nam, vùng giá giao dịch được giãn rộng từ <b>40-44.000</b> đồng/kg. Do một số khu vực gần như cạn vịt sau khi bán chạy dịch trong khi tiêu thụ vịt sau ngày rằm tháng 7 không cải thiện như kỳ vọng khiến lực bán tại trại khá chậm.</p>
<b>CHỢ HÀ VỸ</b>	<p>▶ <b>Gà trắng</b></p> <p>- Lượng gà trắng về chợ nay ổn định <b>3.000</b> con trong đó tỉ lệ gà biểu to 3.8-3.9 kg/con nhiều hơn, chợ bán trung bình. Giá gà nhập về chợ và bán ra lần lượt đạt mức <b>41.000</b> đồng/kg và <b>41-44.000</b> đồng/kg, tùy gà trống hay mái.</p>

### Gà trắng

- Tại miền Bắc, giá gà trắng công ty lẫn trại dân chững lại vào hôm nay, dao động từ 35.5-37.500 đồng/kg, tùy biểu. Tiêu thụ gà trắng trong 10 ngày cuối tháng 8 khó cải thiện tuy nhiên nguồn cung gà còn thiếu hụt khiến thị trường kỳ vọng giá có thể sẽ tiếp tục tăng nhẹ trong tuần tới.

- Tại miền Nam, giao dịch gà đẹp trong chuẩn không có biến động mới, giữ ổn định quanh mức 38-40.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do thời tiết mưa kéo dài, chất lượng gà tại một số khu vực không đẹp khiến mức giá 37.000 đồng/kg xuất hiện nhiều hơn.

*Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)*

	<b>Khu vực</b>	<b>19/08/2022</b>	<b>18/08/2022</b>	<b>Tuần trước</b>
Gà công ty	Miền Bắc	35,500-37,500	35,500-37,500	38,000-41,000
	Miền Nam	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	36,000-37,500	36,000-37,500	39,000-41,000
	Vĩnh Phúc	36,000-37,500	36,000-37,500	39,000-41,000
	Hà Nội	36,000-37,500	36,000-37,500	38,000-41,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000
	Bình Phước	38,000-40,000	38,000-40,000	38,000-41,000

### Diễn biến gà trắng giống

*Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)*

Vùng/miền	Loại con giống	19/08/2022	18/08/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	15,000-16,000	15,000-16,000
	Ăn cám công ty	15,000-16,000	15,000-16,000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	13,000-16,000	13,000-16,000
	Ăn cám công ty	13,000-15,000	13,000-15,000
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	17,000-18,000	17,000-18,000

*Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)*

Khu vực	Loại trứng	19/08/2022	18/08/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03( $\geq$ 21.3kg)	3150	3150
	Mix04( $\geq$ 20.3kg)	3050	3050
	Mix05( $\geq$ 19.3kg)	3000	3000
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2700	2700
	Loại 22.5kg	2600	2600
	Loại 21.5kg	2500	2500
	Loại 20.5kg	2450	2450
	Loại 19.5kg	2400	2400

### Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà màu tiếp tục giữ ổn định vào hôm nay, dao động mức 42-44.000 đồng/kg với gà ta lai CP 75 ngày, 55-59.000 đồng/kg gà Minh Dư, 62-64.000 đồng/kg gà Dabaco và 60-61.000 đồng/kg gà Japfa. Tại thị trường tự do, giao dịch gà cũng chững lại quanh mức 60-63.000 đồng/kg với giống lai hồ/lai chọi thả vườn nuôi hơn 100 ngày, mức giá tương đương công ty trong khi chất lượng gà đẹp hơn hỗ trợ lực bán gà trong dân khá tốt.

- Tại miền Nam, lượng gà tồn ký chưa được giải phóng hết khiến giá tiếp tục chững lại ở mức thấp, 37-40.000 đồng/kg với gà ta lai CP, 55.000 đồng/kg với gà Dabaco và 40-47.000 đồng/kg gà Minh Dư.

*Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)*

Khu vực	19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	42,000-44,000	42,000-44,000	47,000-55,000
Gà ta lai CP – miền Trung	40,000-45,000	40,000-45,000	46,000-50,000
Gà ta lai CP – miền Nam	37,000-40,000	37,000-40,000	38,000-45,000

Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	62,000-64,000	62,000-64,000	65,000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55,000	55,000	55,000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	55,000-59,000	55,000-59,000	60,000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40,000-47,000	40,000-47,000	45,000-49,000

- Tại miền Bắc, giá gà màu giống các loại tiếp tục nhích tăng do nhu cầu vào đàn phục vụ các dịp lễ tết cuối năm chưa hạ nhiệt. Theo đó, giá gà lai hồ/lai mía giống trong dân tăng lên mức 17-18.000 đồng/con (mua xô). Với công ty, giá tăng lên mức 16-17.000 đồng/con giống Dabaco, Hòa Phát, Minh Dư và 18.000 đồng/con với giống lai chọi Tiến Đạt. Dự kiến, giá giống tại miền Bắc sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao đến hết tháng 8 này, sau đó giá sẽ đảo chiều giảm dần trong tháng 9 khi các trại đã vào kín chuồng phục vụ dịp cuối năm.

*Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)*

Loại con giống	19/08/2022	18/08/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	16,000-17,000	15,000
DOC-Minh Dư	16,000	15,000
DOC- Tiến Đạt	18,000	16,000-18,000
DOC- Lai mía	17,000-18,000	16,000-17,000
DOC- Lai Hồ	17,000	15,000-16,000

*Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)*

Loại con giống	19/08/2022	18/08/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	17,000	11,000-12,000
DOC-Minh Dư	15,000	10,000
DOC- Gà ta lai	11,000	9,000

### Vịt thịt

- Tại miền Bắc, cung cầu tạm thời cân đối giữ giá vịt ổn định quanh mức 40-41.000 đồng/kg. Dự kiến, giá có thể sẽ đảo chiều giảm nhẹ vào 2 ngày cuối tuần khi thời tiết được dự báo mưa kéo dài ảnh hưởng đến việc thu mua của cánh thương lái.

- Tại miền Nam, vùng giá giao dịch được giãn rộng quanh mức 40-44.000 đồng/kg. Do một số khu vực gần như cạn vịt sau khi bán chạy dịch trong khi tiêu thụ vịt sau ngày rằm tháng 7 không cải thiện như kỳ vọng khiến lực bán tại trại khá chậm.

*Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)*

Vùng/miền	19/08/2022	18/08/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	40,000-41,000	40,000-41,000	38,000-40,000
Miền Đông – Vịt Grimaud	40,000-44,000	42,000-43,000	44,000-48,000
Miền Tây – Vịt Grimaud	42,000-43,000	42,000-43,000	46,000-48,000

*Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)*

Khu vực	Loại con giống	19/08/2022	18/08/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	16,000-17,000	16,000-17,000
	DOC- Vịt Grimaud	16,000-17,000	16,000-17,000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	7,000	7,000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	21,500	21,500
	DOC- Vịt Cherry	23,000	23,000

#### Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng về chợ nay ổn định mức 3.000 con, trong đó tỉ lệ gà biểu to 3.8-3.9 kg/con nhiều hơn, chợ bán trung bình. Giá gà nhập về chợ lần bán ra tiếp tục chững lại, lần lượt đạt mức 41.000 đồng/kg và 41-44.000 đồng/kg, tùy gà trống hay mái.

*Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)*

Loại gà	Giao dịch	19/08/2022	18/08/2022
Gà trắng	Mua vào	41,000	41,000
	Bán ra	41,000-44,000	41,000-44,000
Gà màu Dabaco	Mua vào	63,000	63,000
	Bán ra	67,000-68,000	67,000-68,000
Gà Japfa	Mua vào	60,000-62,000	60,000-62,000
	Bán ra	65,000-67,000	65,000-67,000